

Số: /BC-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**  
**phát triển kinh tế - xã hội quý I năm 2023**

Thực hiện Văn bản số 1796/UBND-TH ngày 30/03/2023 của UBND tỉnh về việc rà soát, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội quý I năm 2023; UBND huyện Vĩnh Thanh báo cáo như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2023**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	TH quý I/2022	UTH quý I/2023	So sánh	
						QI 23/QI 22 (%)	Q I 23/ KH 23 (%)
A	B	1		2	4	5	6
<b>1</b>	<b>Tổng giá trị sản phẩm (giá so sánh 2010)</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>2.460.359</b>	<b>460.176</b>	<b>489.662</b>	<b>106,41</b>	<b>19,90</b>
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản (KV I)	Tr. đồng	544.694	101.832	104.440	102,56	19,17
	- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (KV II)	Tr. đồng	1.345.426	254.190	279.688	110,03	20,79
	<i>Trong đó: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>1.250.692</i>	<i>240.353</i>	<i>265.035</i>	<i>110,27</i>	<i>21,19</i>
	- Thương mại - Dịch vụ (KV III)	Tr. đồng	570.419	104.154	105.534	101,32	18,50
<b>2</b>	<b>Tốc độ tăng Tổng GTSP</b>	<b>%</b>	<b>7,76</b>	<b>-</b>	<b>6,41</b>		
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản (KV I)	%	3,70	-	2,56	-	-
	- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (KV II)	%	10,71	-	10,03	-	-
	<i>Trong đó: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp</i>	<i>%</i>	<i>11,00</i>	<i>-</i>	<i>10,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	- Thương mại - Dịch vụ (KV III)	%	5,10	-	1,32		
<b>3</b>	<b>Tổng giá trị sản phẩm (giá hiện hành)</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>4.190.949</b>	<b>803.044</b>	<b>912.506</b>	<b>113,63</b>	<b>21,77</b>
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản (KV I)	Tr. đồng	1.089.483	192.595	203.696	105,76	18,70
	- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (KV II)	Tr. đồng	2.132.612	417.981	508.019	121,54	23,82
	<i>Trong đó: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>1.961.744</i>	<i>394.892</i>	<i>482.029</i>	<i>122,07</i>	<i>24,57</i>
	- Thương mại - Dịch vụ (KV III)	Tr. đồng	968.854	192.468	200.791	104,32	20,72
<b>4</b>	<b>Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm</b>	<b>%</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>		

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	TH quý I/2022	UTH quý I/2023	So sánh	
						QI 23/QI 22 (%)	Q I 23/ KH 23 (%)
A	B	1		2	4	5	6
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	26,00	23,98	22,32		
	- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng	%	50,89	52,05	55,67		
	<i>Trong đó:</i>						
	+ Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Tr. đồng	46,81	49,17	52,82		
	+ Xây dựng	Tr. đồng	4,08	2,88	2,85		
	- Thương mại - Dịch vụ	%	23,11	23,97	22,01		
5	Tổng thu ngân sách	Tr. đồng	297.596	154.965	204.122	131,7	68,6
	<i>Trong đó: Thu trên địa bàn trừ tiền sử dụng đất</i>	Tr. đồng	67.800	33.732	34.341	101,8	50,6
6	Tổng chi ngân sách	Tr. đồng	297.596	75.144	80.533	107,2	27,1
7	Xuất nhập khẩu	1000 (USD)	9.000				
	- Xuất khẩu	1000 (USD)	9.000	-	2.245	-	24,94
8	Tỷ lệ xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới	%	25,0	0			
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10,29				
10	Duy trì tỷ lệ trường học công lập đạt chuẩn Quốc gia	%	50,00				
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới	%	23,00				
12	Giải quyết việc làm mới	Người	900		302		33,55
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề	%	50,5		49,18		
14	Tỷ lệ khu phố, thôn, làng được công nhận danh hiệu văn hóa	%	93,2				
15	Duy trì tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ổn định	%	99,0				
16	Phần đầu tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	66,85				
17	Duy trì tỷ lệ hộ dân dùng điện sinh hoạt	%	99,8				
18	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm						
	- Tham gia bảo hiểm y tế	%	99,43		96,40		
	- Tham gia bảo hiểm xã hội	%	17,50		100		
19	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	76,90		76,35		
20	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	58,0				
21	Bán lẻ hàng hóa	Tr. Đồng	571000	120725	134199	112,80	23,50
	- Thương nghiệp	Tr. Đồng		93524	103110	110,20	
	- Khách sạn, nhà hàng	Tr. Đồng		20685	23612	114,20	
	- Dịch vụ khác	Tr. Đồng		6516	7477	114,70	

Tổng giá trị sản phẩm tăng 6,41% so với cùng kỳ, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,56%; công nghiệp - xây dựng tăng 10,03%; thương mại - dịch vụ tăng 1,32%, cụ thể chi tiêu theo các lĩnh vực:

## 1. Về kinh tế

### 1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tài nguyên và môi trường

Tổng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản ước thực hiện 104.440 triệu đồng, đạt 19,17% so với kế hoạch, tăng 2,56% so với cùng kỳ.

*Trồng trọt:* Thời tiết vụ Đông Xuân 2022 - 2023 cơ bản thuận lợi, cây lúa sinh trưởng phát triển khá tốt. Tổng diện tích lúa nước thực hiện 1.103,6 ha (chân ruộng 2 vụ 819,7 ha, chân ruộng 1 vụ 283,9 ha), đạt 100% kế hoạch, tăng 1,5 ha so với cùng kỳ; năng suất bình quân ước đạt 69 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha; sản lượng 7.614,8 tấn.

*Lâm nghiệp:* Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 18.900 tấn, đạt 30% kế hoạch; tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 76,35%.

*Chăn nuôi:* Đàn trâu 1.041 con, đạt 98,5% kế hoạch; đàn heo 18.619 con, đạt 93% so với kế hoạch, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.870,8 tấn; đàn bò 18.018 con, đạt 97% kế hoạch, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 999 tấn; đàn dê 2.500 con, đạt 96,1% kế hoạch; gia cầm 125.000 con, đạt 96% kế hoạch, sản lượng thịt 92,3 tấn.

*Thủy sản:* Đã thả nuôi 420/460 lồng cá, lượng giống thả nuôi 1,6 triệu con, đối tượng chủ yếu là các loại cá Diêu hồng, rô phi, Trê lai, Lăng nha, Thác lác cườm, Basa. Sản lượng thủy sản 140,5 tấn (nuôi trồng 118,5 tấn, khai thác 22 tấn), đạt 16% kế hoạch.

*Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình khuyến nông:* Đã tổ chức triển khai 4 mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp; tổ chức 5 lớp tập huấn kỹ thuật, thu hút 170 lượt nông dân tham gia. Hỗ trợ giống, vật tư cho hộ dân tham gia các mô hình, trị giá 702 triệu đồng.

*Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới* được chú trọng, đã chuẩn bị nội dung để làm việc với các ngành chức năng tỉnh về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Quang. Tổ chức Lễ phát động “Xã Vĩnh Hảo quyết tâm đạt chuẩn nông thôn mới” năm 2023 và tập trung huy động nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch đề ra.

*Công tác quản lý nhà nước về đất đai, bồi thường và giải phóng mặt bằng* được chú trọng, đã công bố, công khai Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030. Triển khai lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện về dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Thu hồi đất do giao không đúng quy định 3 trường hợp và cho thuê không đúng thẩm quyền 2 trường hợp theo kết luận của Thanh tra tỉnh.

### 1.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng

Tổng giá trị sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thực hiện 279.688 triệu đồng, đạt 20,79% so với kế hoạch, tăng 10,03% so với cùng kỳ. Một số sản

phẩm tăng so với cùng kỳ như sản xuất gạch 725.000 viên, tăng 20,8%; tinh bột sắn 8.379 tấn, tăng 48,9%,...

Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.245 (1.000 USD) sản phẩm chủ yếu của Công ty TNHH tinh bột sắn Nhiệt Đồng Tâm Vĩnh Thạnh và Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát

Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 72.841,782 triệu đồng, (ngân sách Trung ương 14.772,925 triệu đồng; ngân sách tỉnh 20.989,673 triệu đồng; ngân sách huyện 37.079,184 triệu đồng), giá trị giải ngân thực hiện 9.108,147 triệu đồng, đạt 12,5% kế hoạch (ngân sách tỉnh 26,6%; ngân sách huyện 9,48 %).

### *1.3. Thương mại - dịch vụ, tài chính và ngân hàng*

Tổng giá trị sản phẩm thương mại - dịch vụ thực hiện 105.534 triệu đồng, đạt 18,5% so với kế hoạch, tăng 1,32% so với cùng kỳ.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện theo phân cấp 35.077 triệu đồng, đạt 39,9% kế hoạch năm, tăng 28,5% so với kế hoạch quý; nếu trừ tiền sử dụng đất 736 triệu đồng thì số thu cân đối là 34.341 triệu đồng, đạt 50,6% kế hoạch, tăng 26,8% so với kế hoạch quý.

Tổng nguồn vốn huy động của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Thạnh 563.000 triệu đồng, đạt 95,7% kế hoạch, tăng 41.000 triệu đồng so với cùng kỳ; tổng nguồn vốn thực hiện của Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện thực hiện 412.607 triệu đồng, tăng 20.133 triệu đồng so với cùng kỳ.

## **2. Về Văn hóa - Xã hội**

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền triển khai thực hiện theo kế hoạch. Phối hợp với ngành chức năng tỉnh khảo sát, xây dựng một số điểm du lịch trên địa bàn huyện.

Y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được chú trọng. Từ đầu năm đến nay, toàn huyện ghi nhận 76 trường hợp mắc và 6 ổ dịch sốt xuất huyết, tăng 73 trường hợp và 6 ổ dịch so với cùng kỳ. Công tác khám chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Giáo dục và Đào tạo: Đã mở lớp phổ cập giáo dục THCS trên địa bàn xã Vĩnh Sơn có 11 học viên theo học; tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh trung học năm học 2022 - 2023 đạt kết tốt.

Công tác chăm sóc người có công với nước được quan tâm, các chế độ, chính sách hỗ trợ được triển khai kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo theo quy định.

Hiện nay, toàn huyện có 29.560 người tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, giảm 374 người so với cùng kỳ, trong đó lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc 1.881 người, giảm 27 người so với cùng kỳ; tham gia bảo hiểm tự nguyện 951 người, giảm 80 người so với cùng kỳ tham gia bảo hiểm y tế 29.560 người, giảm 374 người so với cùng kỳ.

Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc tiếp tục được tăng cường. Các hợp phần thuộc Chương trình MTQG phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai theo kế hoạch.

### **3. Nội chính, quốc phòng và an ninh**

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý, công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo quy định. Chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính từng bước được nâng lên. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tổ chức thực hiện nghiêm túc.

An ninh chính trị ổn định, quân số trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì 100% , đảm bảo xử lý kịp thời mọi tình huống. Tổ chức Lễ ra quân huấn luyện và huấn luyện dân quân theo kế hoạch đề ra. Tổ chức đón 48 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; giao quân năm 2023 đảm bảo nhanh gọn, an toàn, đạt 100% chỉ tiêu (63/63 thanh niên).

## **II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ THỰC HIỆN ĐẠT VÀ VƯỢT CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

### **1. Khó khăn, vướng mắc**

- Việc thu thập, tính các chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm quý, 6 tháng, 9 tháng và năm của các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ còn phụ thuộc vào số liệu của Cục Thống kê tỉnh.

- Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn ít, nhỏ lẻ và chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ; cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, nằm rải rác ở các địa phương nên doanh thu không ổn định,... dẫn đến cơ cấu và tổng giá trị sản phẩm các ngành không ổn định, thiếu bền vững.

### **2. Một số giải pháp đột phá thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023**

#### *2.1. Về sản xuất nông, lâm và thủy sản*

##### **a) Trồng trọt**

- *Cây lúa*: Đẩy mạnh chuyển giao, nhân rộng quy trình canh tác lúa tiên tiến, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn. Phát triển mở rộng dự án cánh đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa áp dụng quy trình thâm canh lúa cải tiến tại các vùng sản xuất tập trung; duy trì, phát triển diện tích cánh đồng lớn.

- *Cây mì*: Sử dụng các giống mì cho năng suất cao, kháng bệnh khảm như KM94, KM140, KM98-1, HLS1,... áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng để cung ứng cho nhà máy chế biến tinh bột sẵn trên địa bàn huyện.

- *Cây lạc*: Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng. Tiếp tục chuyển đổi đất sản xuất lúa, mía, sắn kém hiệu quả sang sản xuất lạc; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu từ trồng, chăm sóc đến thu hoạch.

- *Cây ngô*: Tiếp tục đầu tư thâm canh, tăng vụ; chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của tỉnh; phát triển mô hình trồng ngô sinh khối, ngô ngọt theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- *Rau các loại*: Tiếp tục thâm canh rau theo hướng sản xuất rau an toàn, các loại rau phù hợp với nhu cầu thị trường, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương. Tập trung chuyển giao các mô hình ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Duy trì và mở rộng thêm diện tích rau VietGap hiện có ở các xã: Vĩnh Quang 3,42 ha, Vĩnh Sơn 4 ha, Vĩnh Hòa 1,35 ha, thị trấn Vĩnh Thạnh 1,3 ha; đồng thời, đề ra những giải pháp liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm kịp thời cho người dân.

#### b) Chăn nuôi

- *Đàn bò*: Phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng chất lượng cao, sử dụng giống bò Red Angus hoặc BBB; nâng cao chất lượng đàn bò sinh sản nhóm Zebu hoặc Drought Master bằng phương pháp nâng cao tỷ lệ máu, tạo đàn cái lai làm nền cho lai tạo bò thịt chất lượng cao; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng bò thịt trong nông hộ, phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển chăn nuôi bò gắn với liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ. Phân đầu đến cuối năm duy trì tổng đàn đạt 18.500 con (xã Vĩnh Hiệp 2.229 con, xã Vĩnh Thịnh 3.115 con, xã Vĩnh Quang 2.745 con...); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 3.330 tấn (tương ứng 9.515 con); trong đó thịt bò chất lượng cao 1.198 tấn.

- *Đàn lợn*: Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sử dụng giống lợn cao sản như Landrace, Duroc, Yorkshire. Tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm lợn hơi. Phân đầu đến cuối năm duy trì tổng đàn 20.000 con (xã Vĩnh Hiệp 2.046 con, xã Vĩnh Thịnh 7.254 con, xã Vĩnh Quang 2.408 con, Vĩnh Hảo 1.799 con, thị trấn Vĩnh Thạnh 2.365 con; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 5.345 tấn.

- *Đàn gia cầm*: Phát triển theo hướng gia trại gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh để tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm thịt, trứng có chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm. Phân đầu đến cuối năm duy trì tổng đàn đạt 130.000 con (xã Vĩnh Hiệp 13.800 con, xã Vĩnh Thịnh 39.800 con, xã Vĩnh Quang 18.200 con, xã Vĩnh Hảo 11.600 con, xã Vĩnh Hòa 13.700 con...); sản lượng thịt gia cầm xuất bán 230,8 tấn (tương ứng 153.866 con).

c) Thủy sản: Xây dựng, phát triển bền vững chuỗi liên kết nuôi trồng, thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Tăng cường bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, cụ thể như xã Vĩnh Sơn 38,4 ha, sản lượng 30,2 tấn; xã Vĩnh Hảo 7,5 ha, sản lượng 758,5 tấn; xã Vĩnh Hiệp 6,5 ha, sản lượng 19,7 tấn; xã Vĩnh Thịnh 13,3 ha, sản lượng 28,8 tấn...

d) Lâm nghiệp: Triển khai rừng trồng gỗ lớn, thí điểm các chuỗi liên kết sản xuất rừng trồng gỗ lớn, trồng cây dược liệu. Phân đầu đến cuối năm trồng rừng tập trung 10 ha (xã Vĩnh Sơn 4,5 ha, xã Vĩnh Hảo 5,5 ha); diện tích khoán, chăm sóc 24.733,6 ha; sản lượng khai thác gỗ 63.000 tấn (xã Vĩnh Hòa 5.113 tấn, xã Vĩnh Kim 4.860 tấn, xã Vĩnh Sơn 4.125 tấn; xã Vĩnh Thuận 3.862 tấn, xã Vĩnh Hảo 3.850 tấn, xã Vĩnh Hiệp 3.745 tấn, xã Vĩnh Thịnh 2.275 tấn, xã Vĩnh Quang 2.140

tấn, thị trấn Vĩnh Thạnh 1.980 tấn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 31.050 tấn).

## 2.2. Công nghiệp - xây dựng

Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ, lắng nghe các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất để kịp thời giải quyết hoặc đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc, không để gây phiền hà, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Tổ chức đối thoại công khai với cộng đồng doanh nghiệp định kỳ 6 tháng/lần hoặc đột xuất khi doanh nghiệp có kiến nghị.

Tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động phát huy hết công suất; chủ động, mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào Cụm công nghiệp Tà Súc.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn huyện; xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình, đảm bảo chất lượng; quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định.

## 2.3. Thương mại - Dịch vụ

Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động SXKD của 818 cơ sở kinh doanh trên địa bàn huyện để tăng thêm giá trị thương mại - dịch vụ; giới thiệu, quảng bá tiêu thụ sản phẩm OCOP có nguồn gốc, xuất xứ của địa phương. Đăng ký kế hoạch sản phẩm OCOP năm 2023 như: Rau an toàn (thị trấn Vĩnh Thạnh), bánh ít lá gai (Vĩnh Thịnh) và cá thác lác (Vĩnh Hảo). Xây dựng “Mô hình điểm trưng bày, giới thiệu, phân phối và kết nối các sản phẩm của khu vực miền núi” tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, theo chương trình “Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư”.

Đẩy mạnh các biện pháp tăng thu ngân sách, nhất là thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên đối với các doanh nghiệp có số thu lớn (Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom, Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn, Công ty TNHH tinh bột sắn Nhiệt Đồng Tâm, Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình, Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Định, Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát, các DN khác, hộ KD, cá nhân KD).

## 2.4. Môi trường

Đề ra mục tiêu cụ thể về tỷ lệ thu gom, xử lý đảm bảo đối với từng loại rác thải; xây dựng cơ sở dữ liệu về phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn. Tập trung thu gom, xử lý chất thải rắn tại các đơn vị như: Khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Quang, Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp và Vĩnh Thịnh. Tổ chức tập huấn công tác quản lý, thu gom, vận chuyển chất thải rắn cho các xã, thị trấn, đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân tuân thủ việc thu gom, bỏ rác đúng nơi quy định. Phần đầu đến cuối năm 2023 đạt tỷ lệ chất thải rắn đô thị 58% (chỉ tiêu tỉnh giao 57%).

## 2.5. Nước sạch

Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh nhằm đảm bảo cấp nước đủ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho nhân dân thị trấn Vĩnh Thạnh và các xã: Vĩnh Hảo, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp của huyện trên cơ sở thực tế các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội cũng như nguồn vốn đầu tư xây dựng. Mục tiêu cụ thể là sau khi công trình Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh được UBND tỉnh đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng thì phần đầu tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 66,85% (khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh).

### *2.6. Phát triển du lịch*

Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển một số điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, cụ thể như:

- Suối Tà Má - Làng Hà Ri - xã Vĩnh Hiệp: Định hướng điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Cải tạo cảnh quan, làm sạch môi trường. Thiết kế và lắp đặt biển chỉ dẫn du lịch, bố trí các thùng rác, nhà vệ sinh công cộng, điểm giữ xe cho khách; bán hàng lưu niệm, các sản phẩm địa phương; đầu tư dịch vụ ăn uống; thuê lều; trang phục dân tộc; chụp ảnh cho khách...

- Vùng hoa Anh Đào - Làng K3 - xã Vĩnh Sơn: Định hướng tham quan, trải nghiệm sinh thái; Đầu tư các dịch vụ: chỉnh trang lại các nhà có phòng cho khách thuê và khu nhà sàn của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đảm bảo sạch sẽ; tổ chức các buổi đốt lửa trại, sinh hoạt múa hát công chiêng, thưởng thức rượu cần và ẩm thực địa phương hoạt động trải nghiệm tại các hộ trồng rau VietGrap, các vườn trái cây...

- Thành đá Tà Kơn - Thôn K8 - xã Vĩnh Sơn: điểm du lịch sinh thái, khám phá gắn với lịch sử văn hóa. Xây dựng các bài thuyết minh hấp dẫn, có tính sử thi; sắp xếp thời gian mở cửa vào điểm, để tiện cho việc khách vào tham quan; đầu tư các dịch vụ cho thuê xe máy hoặc xe ôm chở khách...

### *2.7. Chính sách an sinh xã hội*

Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn của các Chương trình MTQG như tín dụng ưu đãi cho người nghèo, cận nghèo; tuyên truyền, động viên hộ nghèo tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ giúp của Nhà nước và cộng đồng.

Tăng cường hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm cho người lao động; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghề; rà soát, xác định nhu cầu của người học gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn đào tạo nghề cho lao động nông thôn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm tại chỗ.

Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHYT, BHXH; vận động nhóm người lao động có thu nhập ổn định tích cực tham gia BHYT, BHXH. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.



Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội quý I năm 2023; nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 của huyện Vĩnh Thạnh./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, K5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Tấn Thành**